

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 130/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23 -3-2018

V/v *tranh chấp*: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Thành

2. Bà Đặng Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Sơn Hà, Thư ký Toà án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại phòng xử án Toà án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 2412/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 779/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê N, sinh năm 1977

Địa chỉ: Đường A, phường B, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Đường A, phường B, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là bà Lê N trình bày:**

Bà và ông Phạm H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh vào ngày 31 tháng 12 năm 2002 (Giấy chứng nhận kết hôn số 319, quyển số 02, do Ủy ban nhân dân phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2002). Sau khi kết hôn được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, ly thân từ năm 2004 đến năm 2010. Từ năm 2010 đến năm 2014 vợ chồng đoàn tụ. Hai bên tiếp tục ly thân từ năm 2015 đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng đã nhiều lần xảy ra xô xát. Nguyên nhân vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, xô xát là do không phù hợp về tính tình, quan điểm sống. Hiện hai bên không còn tình cảm, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau.

Nhận thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà không còn tình cảm với ông H nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có hai con chung là Phạm A, sinh ngày 10/10/2003 và Phạm P, sinh ngày 19/3/2012.

Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu được nuôi hai con. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bà yêu cầu giao hai con cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà cấp dưỡng nuôi mỗi con 3.000.000 đồng/01 trẻ/tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai con lần lượt trưởng thành. Việc cấp dưỡng thực hiện từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bị đơn là ông Phạm H trình bày:*

Ông và bà Lê N tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh vào ngày 31 tháng 12 năm 2002 (Giấy chứng nhận kết hôn số 319, quyển số 02, do Ủy ban nhân dân phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2002). Sau khi kết hôn được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, ly thân từ năm 2004 đến năm 2010. Từ năm 2010 đến năm 2014, ông và bà N đoàn tụ. Năm 2015 đến nay, hai bên tiếp tục sống ly thân. Quá trình chung sống, vợ chồng đã ba lần xảy ra xô xát. Nguyên nhân do mâu thuẫn trong lối sống sinh hoạt hàng ngày, không hợp tính cách, quan điểm. Hiện ông không còn tình cảm với bà N. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn với bà N. Nếu buộc phải ly hôn, ông có ý kiến:

- Về con chung: Có hai con chung là Phạm A, sinh ngày 10/10/2003 và Phạm P, sinh ngày 19/3/2012.

Ông yêu cầu được nuôi hai con, yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi mỗi con 3.000.000 đồng/01 trẻ/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai con lần lượt trưởng thành. Việc cấp dưỡng thực hiện từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục tố tụng đạt, cấp, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N được ly hôn với ông H;

- Về con chung: Giao hai con chung là Phạm A, sinh ngày 10/10/2003 và Phạm P, sinh ngày 19/3/2012 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N cấp dưỡng nuôi mỗi con 3.000.000 đồng/01 trẻ/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai con lần lượt trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông H và bà N không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Quận 1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Lê N và ông Phạm H tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh vào ngày 31 tháng 12 năm 2002 (Giấy chứng nhận kết hôn số 319, quyển số 02, do Ủy ban nhân dân phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2002) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét thấy, quan hệ hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc từ hai phía. Tuy nhiên, vợ chồng ông H và bà N đều khai giữa vợ chồng mâu thuẫn trong lối sống sinh hoạt hằng ngày do không hợp tính tình, quan điểm. Quá trình chung sống, vợ chồng nhiều lần xảy ra xô xát. Hiện hai bên đã ly thân một thời gian dài và cả hai xác nhận không còn tình cảm với nhau. Mặt khác, ông H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được phương án nào để đoàn tụ gia đình.

Như vậy chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, gia đình không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà N yêu cầu ly hôn ông H là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Có hai con chung là Phạm A, sinh ngày 10/10/2003 và Phạm P, sinh ngày 19/3/2012. Bà N yêu cầu giao hai con cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà N cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng /01 trẻ/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai con lần lượt trưởng thành. Việc cấp dưỡng thực hiện từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng. Ông H đồng ý với ý kiến bà N về việc giao cho ông trực tiếp nuôi dưỡng hai con và bà N cấp dưỡng nuôi các con.

Xét, sự thống nhất của hai bên về người trực tiếp nuôi dưỡng và mức cấp dưỡng tại phiên tòa hôm nay phù hợp với nguyện vọng của con và không trái quy định pháp luật, nên cần ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Lê N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn)

đồng theo biên lai số 0022502 ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1; Bà N còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê N được ly hôn ông Phạm H (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 319, quyển số 02, do Ủy ban nhân dân phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2002).
- Về con chung: Giao hai con chung là Phạm A, sinh ngày 10/10/2003 và trẻ Phạm P, sinh ngày 19/3/2012 cho ông Phạm H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê N cấp dưỡng nuôi mỗi con 3.000.000 (ba triệu) đồng/01 trẻ/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai con lần lượt trưởng thành. Việc cấp dưỡng thực hiện từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng.

Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0022502 ngày 25 tháng 12 năm 2017

của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1; Bà N còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- UBND P. Tân Định, Quận 1;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Kim Anh